

TỜ TRÌNH
**Về việc báo cáo và xin chủ trương ký kết Hợp đồng
mua bán hạt nhựa PP giữa Công ty với người có liên quan**

Kính gửi: Hội đồng quản trị Công ty

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-PVBLD ngày 14/4/2022 của Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí năm 2022.

Hiện tại, PV Building đã nhận được dự thảo Hợp đồng mua bán sản phẩm Polypropylene Dung Quất năm 2023 của Công ty cổ phần Lọc hóa Dầu Bình Sơn, Giám đốc Công ty đã nhanh chóng triển khai tìm hiểu và đàm phán với các khách hàng có nhu cầu tiêu thụ PP trong năm 2023.

Xét thấy, đây là lĩnh vực Công ty có đầy đủ năng lực và kinh nghiệm để thực hiện và đạt hiệu quả; Công ty xác định sẽ tiến hành đàm phán ký kết với BSR (cổ đông sở hữu 83,26 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại PV Building) Hợp đồng này.

Giám đốc kính báo cáo và xin chủ trương Hội đồng quản trị Công ty về nội dung này để có cơ sở thực hiện đúng quy định của pháp luật về ký kết Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người có liên quan (Đính kèm dự thảo Hợp đồng mua bán sản phẩm Polypropylene Dung Quất năm 2023).

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- BKS (để b/c);
- Các PGĐ (để biết)
- Lưu: VT, KD.



GIÁM ĐỐC

Trần Xuân Thu

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**HỢP ĐỒNG MUA BÁN SẢN PHẨM
POLYPROPYLENE DUNG QUẤT NĂM 2023**

Số:/BSR-PVBLD

- ❖ Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 - Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 24/11/2015, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;
- ❖ Căn cứ Luật Thương mại – Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 14/06/2005;
- ❖ Căn cứ Chính sách bán sản phẩm hiện hành của BSR;
- ❖ Căn cứ kết quả bán đấu giá PP có nguồn gốc từ nhà máy lọc dầu Dung Quất cho giai đoạn 01/01/2023 – 31/12/2023;
- ❖ Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của hai Bên;

Hôm nay, ngày tháng năm 2022, tại văn phòng Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn, chúng tôi gồm có:

BÊN BÁN : CÔNG TY CỔ PHẦN LỌC HOÁ DẦU BÌNH SƠN (BSR)

Địa chỉ : 208 Hùng Vương, TP Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi

Điện thoại : 0255. 3825825 Fax: 0255. 3825826

Tài khoản : 5701.0000.6.99999

Tại : Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - CN Quảng Ngãi

Mã số thuế : 4300378569

Đại diện : Ông Nguyễn Việt Thắng Chức vụ: **Phó Tổng Giám đốc**

(Theo Quyết định ủy quyền số 900/QĐ-BSR ngày 29/3/2022)

**BÊN MUA : CÔNG TY CỔ PHẦN NHÀ VÀ THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ
(PVBLD)**

Địa chỉ : KĐT mới Vạn Tường – Bình Sơn – Quảng Ngãi

Điện thoại : 0255-3612468 Fax: 0255-3612469

Tài khoản số : 0271.0.04.445.559 tại Ngân hàng Ngoại thương Quảng Ngãi

Mã số thuế : 4300429492

Đại diện : Ông Trần Xuân Thu Chức vụ: **Giám Đốc**

Sau khi thỏa thuận, hai Bên thống nhất ký hợp đồng mua bán Polypropylene (PP) năm 2023 với các điều khoản sau:

Điều 1: Đối tượng Hợp đồng

Bên bán đồng ý bán và Bên mua đồng ý mua các sản phẩm hạt nhựa Polypropylene (PP) do Bên bán sản xuất tại Nhà máy PP Dung Quất, tỉnh Quảng Ngãi với khối lượng hàng và tiêu chuẩn hạt nhựa như sau:

1.1 Khối lượng chi tiết

| Thời hạn giao/ nhận hàng tháng | Từ ngày 01-15 hàng tháng | Từ ngày 16-cuối tháng | Tổng |
|---|-----------------------------|--------------------------|--------------|
| Khối lượng min (tấn/tháng) ($\pm 5\%$) | 600 | 610 | 1.210 |
| Khối lượng max (tấn/tháng) ($\pm 5\%$) | 1.000 | 1.000 | 2.000 |
| Chủng loại | T3034 | | |

Khối lượng giao nhận và thanh toán thực tế dựa vào Phiếu xuất kho thành phẩm.

Hàng tháng, Bên bán sẽ thông báo khối lượng bao tiêu theo mức Min, trong trường hợp sản lượng sản xuất của Nhà máy tăng thêm, Bên bán sẽ thông báo khối lượng tăng thêm và Bên mua xác nhận lại khả năng tiêu thụ bằng văn bản để làm cơ sở thực hiện.

1.2 Tiêu chuẩn chất lượng

POLYPROPYLENE - LOẠI BĂNG DẢI - T3034 - TAPE TYPE - FLAT YARN (RAFFIA)

| TT No. | Tên chỉ tiêu <i>Test</i> | Phương pháp thử <i>Test method</i> | Đơn vị <i>Unit</i> | Mức chất lượng <i>Results</i> |
|-----------|--|--|------------------------------|-------------------------------------|
| 1 | Chỉ số dòng nóng chảy (230°C/2,16 kg) / <i>Melt flow rate (230°C/2.16 kg)</i> | ASTM D 1238 | g/10 phút <i>g/10 min</i> | 2,80 - 4,20 |
| 2 | Hệ số đẳng cấu / <i>Isotactic Index</i> | MCI PP-F-107 | % | $\geq 96,0$ |
| 3 | Độ trắng / <i>Whiteness</i> | MCI PP-F- 127-3 | / | ≥ 60 |
| 4 | Mật độ khối / <i>Bulk density</i> | MCI PP-F-103 | kg/m ³ | Báo cáo <i>Report</i> |
| 5 | Hàm lượng bay hơi / <i>Volatile loss</i> | MCI PP-F-115 | % | $\leq 0,200$ |
| 6 | Hình dạng / <i>Appearance</i> | QAC-WI- PP000-015 | / | / |
| | Điểm đen / <i>Black spot</i> | | cái/kg <i>ea/kg</i> | Báo cáo <i>Report</i> |

| TT No. | Tên chỉ tiêu <i>Test</i> | Phương pháp thử <i>Test method</i> | Đơn vị <i>Unit</i> | Mức chất lượng <i>Results</i> |
|--------|---|---------------------------------------|------------------------|----------------------------------|
| | Hạt khác màu / <i>DC pellet</i> | | cái/kg <i>ea/kg</i> | Báo cáo <i>Report</i> |
| | Hạt chùm lớn / <i>Large sticking pellet</i> | | cái/kg <i>ea/kg</i> | Báo cáo <i>Report</i> |
| | Hạt chùm nhỏ / <i>Small sticking pellet</i> | | cái/kg <i>ea/kg</i> | Báo cáo <i>Report</i> |
| | Hạt có đuôi / <i>Whisker</i> | | cái/kg <i>ea/kg</i> | Báo cáo <i>Report</i> |
| | Tóc tiên / <i>Angel hair</i> | | cái/kg <i>ea/kg</i> | Báo cáo <i>Report</i> |
| | Da rắn / <i>Snake-skin</i> | | cái/kg <i>ea/kg</i> | Báo cáo <i>Report</i> |
| | Vật lạ / <i>Foreign matter</i> | | cái/kg <i>ea/kg</i> | Báo cáo <i>Report</i> |

Điều 2: Giá cả và điều kiện thanh toán

2.1 Công thức giá:

$$P = (\text{ICIS CFR S.E.A} + \text{Pre}) \times (1 + \% \text{GTGT}) \times \text{Tỷ giá (VNĐ)}$$

Trong đó:

- P: là đơn giá bán cho một tấn PP tại kho Nhà máy PP Dung Quất theo điều kiện giao nhận FCA kho nhà máy PP Dung Quất (Incoterms 2020) (VNĐ).
- ICIS CFR S.E.A: là giá ICIS CFR S.E.A (dutiabable*) và được hiểu là Giá trung bình trong 03 tuần của giá Polypropylene Homo CFR về các cảng Đông Nam Á theo thống kê của ICIS-LORR: 01 tuần trước tuần của ngày phát hành Phiếu xuất kho, tuần phát hành Phiếu xuất kho và 01 tuần sau tuần của ngày phát hành Phiếu xuất kho. Giá tuần được hiểu là giá bình quân của mức giá thấp nhất và cao nhất theo công bố của ICIS-LORR. Giá ICIS CFR S.E.A (dutiabable*) được công bố tại Tạp chí ICIS LORR.
- Pre: là mức phụ phí như sau:

| Chủng loại | Khối lượng (tấn/tháng) (±5%) | | Pre 2023 (USD/tấn) | Bảng chữ |
|------------|---------------------------------|-------------------|-----------------------|-------------------------------|
| | Khối lượng min | Khối lượng max | | |
| T3034 | 1.210 | 2.000 | -10,5 | Âm mười phẩy năm đô la Mỹ/tấn |

- GTGT: Là thuế suất thuế giá trị gia tăng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

- Tỷ giá: Là tỷ giá USD/VND bán ra (tỷ giá cuối ngày) của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam công bố vào ngày có đủ giá tính cho lô hàng.

2.2 Phương thức thanh toán:

Bên mua thanh toán cho Bên bán bằng Đồng Việt Nam theo hình thức L/C nội địa. Trị giá thanh toán được quy đổi theo tỷ giá USD/VND bán ra của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam công bố tại thời điểm có đủ giá để Bên bán phát hành hóa đơn giá trị gia tăng cho Bên mua. Phí ngân hàng do Bên mua chịu.

2.3 Phát hành hóa đơn:

Hóa đơn giá trị gia tăng sẽ được Bên bán phát hành cho Bên mua sau mỗi tuần giao hàng (sau khi có đủ giá của tuần giao hàng) theo số lượng hàng thực tế Bên mua đã nhận (tuần giao hàng được tính từ Chủ nhật đến thứ Bảy) trên cơ sở số lượng hàng giao nhận mỗi tuần căn cứ theo Phiếu xuất kho của Bên bán. Hóa đơn điện tử do BÊN BÁN phát hành và BÊN MUA tự in tại trang website <https://bsr-tt78.vnpt-invoice.com.vn>;

2.4 Thời hạn thanh toán:

Bên mua có nghĩa vụ thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho Bên bán trong vòng 45 (bốn mươi lăm) ngày lịch kể từ ngày ký Phiếu xuất kho. Trường hợp việc giao nhận lô hàng kéo dài hơn 01 ngày trong tuần thì ngày bắt đầu tính thời hạn thanh toán là ngày chính giữa của tuần giao hàng.

Trường hợp ngày thanh toán rơi vào ngày thứ Bảy thì việc thanh toán được thực hiện vào ngày thứ Sáu liền kề trước đó. Trường hợp ngày thanh toán rơi vào ngày Chủ Nhật thì việc thanh toán được thực hiện vào ngày thứ Hai liền kề sau đó. Trường hợp ngày thanh toán rơi vào kỳ nghỉ lễ, nghỉ Tết thì việc thanh toán được thực hiện vào ngày làm việc đầu tiên kế tiếp của ngân hàng.

2.5 Bộ chứng từ thanh toán:

2.5.1 Hồ sơ cung cấp cho BÊN MUA:

Bên bán có trách nhiệm chuyển bộ hồ sơ thanh toán cho Bên mua trong vòng 10 (mười) ngày lịch kể từ ngày có giá. Bộ hồ sơ thanh toán bao gồm:

- Hóa đơn điện tử do Bên bán phát hành và Bên mua tự in tại trang website <https://bsr-tt78.vnpt-invoice.com.vn>;
- Phiếu xuất kho thành phẩm (Đã giao cho BÊN MUA lúc giao hàng);

2.5.2 Hồ sơ thanh toán L/C nội địa bao gồm:

- Công văn đề nghị thanh toán (bản gốc hoặc bản ký điện tử);
- Hóa đơn điện tử (bản copy);
- Bảng tổng hợp khối lượng xuất bán của BÊN BÁN theo tuần giao hàng (bản ký điện tử).

Điều 3. Thư tín dụng nội địa và bảo lãnh thực hiện hợp đồng

3.1 Thư tín dụng nội địa

3.1.1 Yêu cầu về việc bảo đảm thanh toán:

Trong vòng 03 ngày làm việc trước khi nhận hàng, BÊN MUA phải cung cấp cho BÊN BÁN thư tín dụng nội địa (L/C nội địa) cho nửa tháng/1 tháng nhận hàng theo mẫu của Ngân hàng được BÊN BÁN chấp thuận.

3.1.2 Yêu cầu đối với L/C nội địa được BÊN MUA cung cấp cho BÊN BÁN:

BÊN MUA phát hành L/C nội địa cho nửa tháng/1 tháng nhận hàng, giá trị L/C được tính bằng 105% giá trị cho nửa tháng/1 tháng nhận hàng tại thời điểm mở L/C (căn cứ vào giá bình quân của 3 tuần trước tuần thực hiện mở L/C). Hiệu lực của L/C nội địa có giá trị kể từ ngày mở đến thời hạn tối thiểu 60 ngày kể từ ngày nhận hàng muộn nhất của L/C.

Ngân hàng phát hành L/C nội địa do BÊN MUA chỉ định và BÊN BÁN chỉ chấp thuận L/C nội địa được phát hành bởi các ngân hàng Vietcombank, Viettinbank, BIDV hoặc các ngân hàng giao dịch nằm trong danh sách được BÊN BÁN phê duyệt. Các ngân hàng khác phải được sự xem xét, chấp thuận của BSR. Phí ngân hàng sẽ do BÊN MUA chịu.

3.1.3 Trường hợp BÊN MUA không cung cấp cho BÊN BÁN L/C nội địa hoặc L/C nội địa được cung cấp không phù hợp với toàn bộ các yêu cầu như quy định tại Điều 3.1.2 của HỢP ĐỒNG, BÊN BÁN có quyền không giao cho BÊN MUA một phần hay toàn bộ khối lượng HÀNG như đã cam kết tại Điều 1 của Hợp đồng này và không phải chịu bất cứ khoản phạt nào từ BÊN MUA về việc không giao HÀNG này. Đồng thời, BÊN MUA phải chịu các khoản phạt vi phạm và bồi thường vi phạm hợp đồng như quy định tại Điều 6.1 của Hợp đồng này.

3.1.4 Trường hợp BÊN MUA cung cấp cho BÊN BÁN L/C nội địa không đúng hạn theo yêu cầu như quy định tại Điều 3.1.1 của Hợp đồng này, BÊN BÁN có quyền dời ngày giao HÀNG dự kiến cho BÊN MUA đến khi nhận được L/C nội địa của BÊN MUA và không phải chịu bất cứ khoản phạt nào từ BÊN MUA về việc chậm giao HÀNG này. Đồng thời, BÊN MUA phải chịu các khoản phạt vi phạm và bồi thường vi phạm hợp đồng như quy định tại HỢP ĐỒNG.

3.1.5 Trong trường hợp tổng giá trị của lô hàng khác so với giá trị của L/C thì việc thanh toán giá trị cho các lô hàng căn cứ vào hóa đơn do BÊN BÁN phát hành.

3.2 Bảo lãnh thực hiện hợp đồng:

Trước ngày giao nhận chuyên HÀNG đầu tiên, Bên mua cung cấp cho Bên bán bản gốc Bảo lãnh thực hiện hợp đồng do Ngân hàng phát hành. Bên bán chấp thuận bảo lãnh thực hiện hợp đồng được phát hành bởi một trong các ngân hàng VietcomBank, Vietinbank, BIDV và các ngân hàng giao dịch nằm trong danh sách được Bên bán phê duyệt. Các ngân hàng khác nằm ngoài danh sách phải được sự xem xét, chấp thuận của Bên bán. Giá trị bảo lãnh thực hiện hợp đồng có giá trị được tính bằng 15% (mười lăm phần trăm) khối lượng min HÀNG nhận bình quân của một tháng nhân với đơn giá HÀNG xác định tại thời điểm mở bảo lãnh (giá bình quân của 3 tuần trước tuần thực hiện mở bảo lãnh). Bảo lãnh thực hiện hợp đồng phải có hiệu lực đến hết ngày 15/01/2024. Mọi chi phí liên quan tới bảo lãnh Ngân hàng do Bên mua chịu.

Điều 4: Hàng hoá, bao bì & đóng gói

Hàng hóa: Bên bán cung cấp cho Bên mua các sản phẩm Polypropylene (PP) do Bên bán sản xuất tại Nhà máy PP Dung Quất.

Bên bán đảm bảo cung cấp hàng hoá đúng chất lượng theo tiêu chuẩn chất lượng cơ sở mà Bên bán công bố, phù hợp với các quy định về quản lý chất lượng và luật pháp Việt Nam.

Đóng gói: Sản phẩm được đóng gói 25kg/bao với dung sai theo tiêu chuẩn của Nhà sản xuất thiết bị công nghệ, tiêu chuẩn bao bì và mẫu mã do Bên bán quy định.

Hàng hoá do Bên bán cung cấp cho Bên mua phải kèm theo: Phiếu xuất kho (01 bản gốc), chứng thư chất lượng sản phẩm (03 bản copy); Các sản phẩm khuyến mãi của Bên bán (nếu có); Các giấy tờ cần thiết khác (nếu có).

Điều 5: Quyền và trách nhiệm của Bên bán

5.1 Trách nhiệm của Bên bán:

- 5.1.1 Đảm bảo cung cấp hàng hoá đúng chủng loại, chất lượng và tiêu chuẩn kỹ thuật công bố của Bên bán.
- 5.1.2 Cập nhật cho Bên mua các thông tin về sản phẩm; Hỗ trợ tư vấn kỹ thuật cho Bên mua về sản phẩm PP do Bên bán sản xuất.
- 5.1.3 Cung cấp đầy đủ và đúng hạn các sản phẩm theo yêu cầu đặt hàng của Bên mua và đã được Bên bán chấp thuận.
- 5.1.4 Khi Nhà máy gặp sự cố phải dừng sản xuất, chậm nhất 02 ngày làm việc Bên bán phải thông báo bằng văn bản cho Bên mua.
- 5.1.5 Bên bán cung cấp cho Bên mua chứng nhận nguồn gốc hàng hóa và quy trình sản xuất hạt nhựa PP Dung Quất nếu Bên mua yêu cầu.

5.2 Quyền của Bên bán:

- 5.2.1 Có quyền từ chối các phương tiện/ nhân lực nhận hàng của Bên mua không đảm bảo an toàn theo các quy định của Bên bán.
- 5.2.2 Có quyền yêu cầu Ngân hàng thanh toán bằng bảo lãnh thanh toán quy định tại Điều 3 của Hợp đồng trong trường hợp Bên mua thanh toán chậm hoặc thanh toán không đầy đủ so với thời hạn quy định.
- 5.2.3 Trong trường hợp Nhà máy gặp sự cố kỹ thuật, hay trường hợp phải ngừng Nhà máy thì Bên bán không có trách nhiệm phải bổ sung nguồn hàng bị thiếu theo hợp đồng.
- 5.2.4 Trong trường hợp Bên bán đánh giá những chủng loại PP khác phù hợp với cấu hình sản xuất của nhà máy PP Dung Quất mang lại hiệu quả cao hơn cho Bên bán và Bên mua cũng như phù hợp với nhu cầu nội địa, Bên bán và Bên mua sẽ đàm phán lại giá và khối lượng của chủng loại PP này.
- 5.2.5 Trong trường hợp BÊN MUA chậm/hủy nhận hàng theo kế hoạch hàng tháng, BÊN BÁN có quyền xem xét điều chỉnh giảm tương ứng lượng hàng nhận theo kế hoạch của Hợp đồng ở tháng/Quý sau.

Điều 6: Quyền và trách nhiệm của Bên mua

6.1 Trách nhiệm của Bên mua:



- 6.1.1 Bên mua đảm bảo có đủ khả năng và điều kiện kinh doanh theo pháp luật Việt Nam và tuân thủ các điều khoản được quy định tại Hợp đồng này.
- 6.1.2 Thực hiện nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về quản lý, lưu trữ và lưu thông hàng hoá. Bên bán không chịu trách nhiệm về các vi phạm pháp luật này của Bên mua (nếu có).
- 6.1.3 Cam kết nhận hàng theo kế hoạch nhận hàng được hai Bên thỏa thuận. Trong trường hợp Bên mua không nhận Hàng theo quy định của Hợp đồng, Bên bán có quyền phạt Bên mua khoản tiền tương đương 08% (tám phần trăm) giá trị khối lượng hàng không nhận, đồng thời Bên mua chịu mọi thiệt hại phát sinh gây ra cho Bên bán do việc không nhận hàng đúng cam kết làm ảnh hưởng đến công tác vận hành sản xuất của Nhà máy Bên bán.
- 6.1.4 Bên mua chịu trách nhiệm giải phóng hàng hóa khỏi kho không để ảnh hưởng đến kế hoạch sản xuất của Bên bán, nếu không Bên mua phải bồi thường toàn bộ thiệt hại phát sinh trực tiếp gây ra cho Bên bán.
- 6.1.5 Tự tổ chức phân phối bán hàng tại các điểm bán hàng của Bên mua phù hợp với giấy phép đăng ký kinh doanh theo quy định.
- 6.1.6 Thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho Bên bán theo quy định của Hợp đồng này.
- 6.1.7 Khi nhận hàng của Bên bán, Bên mua có quyền kiểm tra hàng hóa. Nếu phát hiện hàng hóa được giao không đúng tiêu chuẩn, chất lượng, số lượng thì Bên mua lập biên bản và thông báo lại với Bên bán và Bên mua có quyền từ chối nhận hàng không đúng quy cách, chất lượng.
- 6.1.8 Ký và xác nhận công nợ phát sinh do giao dịch kinh doanh với Bên bán vào cuối mỗi tháng. Mọi thắc mắc phản hồi về công nợ phải được gửi bằng văn bản cho Bên bán trong vòng 07 (bảy) ngày kể từ ngày Bên bán gửi bản xác nhận công nợ tới Bên mua, nếu hết thời gian này mà Bên bán vẫn không nhận được phản hồi từ Bên mua thì đương nhiên Bên mua chấp nhận số liệu do Bên bán cung cấp. Nếu Bên mua không ký xác nhận công nợ thì Bên bán có quyền ngừng việc cung cấp hàng cho đến khi giải quyết xong công nợ phát sinh, ngoại trừ trường hợp Bên mua không ký xác nhận công nợ xuất phát từ lỗi của Bên bán.
- 6.1.9 Tự mua bảo hiểm và chịu mọi rủi ro về hàng hóa từ khi hàng được giao lên phương tiện của Bên mua tại kho Bên bán.
- 6.1.10 Tự chịu trách nhiệm giải quyết các vấn đề phát sinh liên quan đến Bên thứ 3 trong quá trình phân phối của Bên mua.
- 6.1.11 Có trách nhiệm xây dựng hệ thống phân phối đảm bảo tiêu thụ hết sản phẩm do Bên bán cung cấp. Cung cấp các thông tin về kho hàng, hệ thống phân phối, các thị trường xuất khẩu hàng hóa của Bên bán (nếu có) khi nhận được yêu cầu của Bên bán.
- 6.1.12 Tuân thủ các nội quy, quy định về an toàn, sức khỏe, môi trường, an ninh và phòng cháy chữa cháy (AT-SK-MT & PCCC) của Bên bán trong quá trình nhận hàng. Trong trường hợp nhân sự của Bên mua vi phạm quy định về AT-SK-MT & PCCC phải chấp hành hình thức, mức độ xử phạt quy định tại Quy trình quản lý an toàn nhà thầu hiện hành của Bên bán.

6.1.13 Trong trường hợp Nhà máy gặp sự cố kỹ thuật, trường hợp phải ngừng Nhà máy thì Bên mua có trách nhiệm tự thu xếp nguồn hàng bằng chi phí của mình.

6.2 Quyền của Bên mua:

6.2.1 Được quyền quyết định giá bán cho bên thứ 3 các sản phẩm do Bên bán cung cấp.

6.2.2 Được quyền lựa chọn các thị trường đầu ra trong và ngoài nước nhằm đảm bảo việc tiêu thụ hàng hóa theo kế hoạch của Bên mua.

Điều 7: Giải quyết tranh chấp

7.1 Trong trường hợp xảy ra tranh chấp, hai Bên sẽ cố gắng cùng nhau bàn bạc tìm phương án giải quyết trên tinh thần hoà giải, bình đẳng và cùng có lợi.

7.2 Trường hợp hai Bên không giải quyết bằng thương lượng được thì hai Bên sẽ đưa vụ việc đến giải quyết tại Toà án cấp có thẩm quyền. Quyết định của Toà án là quyết định cuối cùng và có giá trị ràng buộc thực hiện với các Bên. Án phí do bên có lỗi chịu. Trong thời gian chờ quyết định của Toà án, hai Bên vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ và trách nhiệm của mình theo quy định của Hợp đồng này.

Điều 8: Thời hạn Hợp đồng

8.1 Hợp đồng có thời hạn kể từ ngày 01/01/2023 đến 31/12/2023 (Không tính thời gian Nhà máy thực hiện bảo dưỡng tổng thể TA5 dự kiến từ ngày 24/06/2023 – 11/08/2023) và có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến khi hai Bên hoàn thành các nghĩa vụ theo quy định của hợp đồng này, khi đó hợp đồng coi như được thanh lý.

8.2 Trong quá trình thực hiện, nếu Bên mua không tuân thủ kế hoạch nhận hàng làm ảnh hưởng đến kế hoạch sản xuất của Nhà máy thì Bên bán sẽ xem xét việc chấm dứt Hợp đồng này trước thời hạn.

Điều 9: Giao nhận và phân chia rủi ro giữa hai Bên

9.1 Bên bán giao hàng nguyên đai nguyên kiện lên phương tiện của Bên mua tại kho Nhà máy của Bên bán. Bên mua chỉ điều động phương tiện xe somi romooc, loại xe thốt vào nhận hàng tại Phân xưởng PP.

9.2 Chi phí bốc xếp hàng lên phương tiện của Bên mua do Bên bán chịu.

9.3 Số lượng, chủng loại các mặt hàng cụ thể được Bên bán giao cho Bên mua của từng lần giao hàng căn cứ vào lệnh giao hàng, phiếu xuất kho.

9.4 Bên bán phải thông báo cho Bên mua lịch xuất hàng hàng tuần bao gồm chi tiết số lượng, chủng loại sản phẩm dự kiến của tuần tiếp theo vào thứ 3 của tuần trước đó. Không muộn hơn 02 ngày kể từ lúc nhận được thông báo Bên mua phải thông báo ngày nhận hàng chi tiết. Không muộn hơn 02 ngày Bên bán sẽ xác nhận kế hoạch nhận hàng của Bên mua.

9.5 Trong trường hợp Bên mua không nhận hàng đúng theo lịch nhận hàng đã được xác nhận thì Bên bán sẽ tính chi phí lưu kho cho lượng hàng đó với đơn giá 2.025 đồng/tấn-ngày (cho thời gian lưu kho từ ngày thứ 01 đến ngày thứ 10); 3.037 đồng/tấn-ngày (thời gian lưu kho từ ngày thứ 11 đến ngày thứ 15), 3.600 đồng/tấn-ngày (thời gian lưu kho từ ngày thứ 15 đến ngày thứ 30), 4.050

đồng/tấn-ngày (thời gian lưu kho trên 30 ngày). Trong trường hợp kho chứa Bên bán không thể tiếp nhận hàng, Bên mua phải thanh toán cho Bên bán chi phí điều chuyển hàng (vận chuyển, nâng hạ, kiểm đếm,...) từ kho Bên bán sang các kho chứa khác trong Khu kinh tế Dung Quất để đảm bảo Nhà máy PP vận hành liên tục.

- 9.6 Quyền sở hữu và rủi ro về hàng hóa sẽ chuyển từ Bên bán sang cho Bên mua từ khi hàng được bốc lên phương tiện Bên mua tại kho Bên bán.
- 9.7 Bên mua không được phép tháo dỡ pallet chứa hàng trong khuôn viên kho Nhà máy PP của Bên bán để đảm bảo an ninh, an toàn của kho PP.
- 9.8 Mọi khiếu nại về chất lượng hàng chỉ được chấp thuận giải quyết nếu khiếu nại trong vòng 30 ngày lịch kể từ ngày ký Phiếu xuất kho. Trong trường hợp phát sinh khiếu nại về chất lượng, đại diện hai Bên thống nhất gửi mẫu (lưu tại BÊN BÁN, phải còn đầy đủ niêm phong, kẹp chì) cho bên thứ 3 được hai Bên thống nhất, kết quả giám định của cơ quan này là cơ sở duy nhất để giải quyết tranh chấp giữa hai Bên. Mọi chi phí liên quan đến việc phát sinh khiếu nại sẽ do Bên có lỗi chịu.
- 9.9 Khối lượng giao nhận giữa hai Bên có thể chấp nhận dung sai (tolerance) +/- 5%. Tuy nhiên, khối lượng để thanh toán là khối lượng hàng giao nhận thực tế giữa hai Bên.

Điều 10: Bất khả kháng

Không Bên nào sẽ chịu trách nhiệm cho bất cứ sự chậm trễ hay vi phạm nào trong việc thực hiện bất cứ phần nào của bản Hợp đồng này trong trường hợp những chậm trễ hay vi phạm đó bị gây ra bởi cháy nổ, bão lụt, chiến tranh, cấm vận, yêu cầu của chính phủ, quân đội, thiên tai, hay các nguyên nhân khác tương tự vượt khỏi tầm kiểm soát của mỗi Bên và không có lỗi hay cẩu thả của Bên chậm trễ hay vi phạm.

Bên chịu ảnh hưởng sẽ thông báo cho Bên kia bằng văn bản trong mười (10) ngày sau khi bất cứ nguyên nhân nào kể trên bắt đầu tác động lên việc thực hiện. Mặc dù vậy, nếu việc thực thi hợp đồng của một Bên mua chậm trễ trong một thời hạn quá ba mươi (30) ngày từ ngày Bên kia nhận được thông báo theo điều khoản này, Bên không bị ảnh hưởng sẽ có quyền, không có bất cứ trách nhiệm nào với Bên kia, chấm dứt bản Hợp đồng này.

Bất khả kháng phải được cơ quan có thẩm quyền xác nhận và giải quyết theo luật hiện hành.

Điều 11: Điều khoản chung

- 11.1 Những vấn đề không quy định hoặc quy định chưa đầy đủ trong Hợp đồng này sẽ tuân thủ theo luật pháp Việt Nam hiện hành.
- 11.2 Hai Bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các điều khoản của Hợp đồng này, mọi thay đổi trong hợp đồng phải được hai Bên bàn bạc nhất trí và được lập thành văn bản có đầy đủ chữ ký của cả hai Bên.
- 11.3 Không Bên nào được chuyển quyền và nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng này cho Bên thứ 3 nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Bên kia.
- 11.4 Hai Bên cam kết không cung cấp bất kỳ thông tin nào liên quan đến Hợp đồng

này và các thông tin có liên quan cho Bên thứ 3 trừ khi nhận được yêu cầu của các cơ quan pháp luật hoặc được sự đồng ý của Bên kia.

- 11.5 Nếu có khó khăn trong quá trình thực hiện Hợp đồng này, mỗi Bên phải thông báo cho Bên kia biết trong vòng 07 (bảy) ngày để cùng nhau giải quyết. Bên nào cố tình chậm trễ phải chịu trách nhiệm bồi hoàn thiệt hại về kinh tế cho Bên kia theo pháp luật hiện hành.
- 11.6 Các phụ lục của Hợp đồng này phải được ký bằng văn bản và là một phần không thể tách rời của Hợp đồng.
- 11.7 Hợp đồng được lập thành 06 (sáu) bản gốc, mỗi Bên giữ 03 (ba) bản gốc có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN BÁN

ĐẠI DIỆN BÊN MUA

Lưu ý: Mẫu của Phụ lục 01 có thể thay đổi tùy theo yêu cầu của Ngân hàng phát hành thư bảo đảm thanh toán.

PHỤ LỤC 01

BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

HĐKT số: _____/BSR-

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: Công ty CP Lọc hóa dầu Bình Sơn

(sau đây gọi là chủ đầu tư)

Theo đề nghị của [ghi tên khách hàng] (sau đây gọi là khách hàng) là khách hàng đã trúng đấu giá mua PP Dung Quất và đã ký hoặc cam kết sẽ ký kết hợp đồng mua bán PP Dung Quất (sau đây gọi là hợp đồng);⁽²⁾

Theo quy định trong HSMĐG (hoặc hợp đồng), nhà thầu phải nộp cho chủ đầu tư bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, [ghi tên của ngân hàng] ở [ghi tên quốc gia hoặc vùng lãnh thổ] có trụ sở đăng ký tại [ghi địa chỉ của ngân hàng⁽³⁾] (sau đây gọi là “ngân hàng”), xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của nhà thầu với số tiền là [ghi rõ số tiền bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng]. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn [ghi số tiền bảo lãnh] như đã nêu trên, khi có văn bản của chủ đầu tư thông báo nhà thầu vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày ____ tháng ____ năm ____.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(2) Nếu ngân hàng bảo lãnh yêu cầu phải có hợp đồng đã ký mới cấp giấy bảo lãnh, thì bên mời thầu phải báo cáo người quyết định đầu tư hoặc người được ủy quyền xem xét, quyết định. Trong trường hợp này, đoạn trên có thể sửa lại như sau:

“Theo đề nghị của [ghi tên nhà thầu] (sau đây gọi là nhà thầu) là nhà thầu trúng thầu gói thầu [ghi tên gói thầu] đã ký hợp đồng số [ghi số hợp đồng] ngày ____ tháng ____ năm ____ về việc cung cấp [mô tả hàng hóa] (sau đây gọi là hợp đồng).”

(3) Địa chỉ ngân hàng: Ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail.

